

Bản án số: 03/2024/HN-ST

Ngày: 05-01-2024

V/v: “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

Với T phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trương Văn Phúc

Ông Nguyễn Văn Thuận

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 05/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2023 về việc: “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 287/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Trần Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn T, xã V, huyện V1, tỉnh K vãng có đơn).

2. *Bị đơn:* chị Đoàn Thị Ngọc T1, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp B (5), xã Bình T, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh và chị T1 ly hôn vào ngày 13/3/2023, theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án. Nội dung thỏa thuận: hai bên thuận tình ly hôn, giao con chung là Trần Ngọc Đ sinh ngày 04/02/2011 và Trần Ngọc Đăng K sinh ngày 28/6/2014 cho chị T1 nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng, chị T1 không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

Tuy nhiên sau khi ly hôn, chị T1 không chăm sóc hai con mà giao cho bà

ngoại chăm lo và thường xuyên đi làm xa nhà. Hiện hai con chung cháu Vy, cháu K đã về ở với anh tại thôn T, xã V, huyện V1, tỉnh K và đang đi học. Do đó anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung là Trần Ngọc Đ sinh ngày 04/02/2011 và Trần Ngọc Đăng K sinh ngày 28/6/2014 cho đến hai con chung đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Đoàn Thị Ngọc T1 vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T.

** Tại phiên tòa:*

Anh Trần Văn T vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Chị Đoàn Thị Ngọc T1 vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: sau khi nhận đơn khởi kiện; các tài liệu, chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý; Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định so với Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng, đầy đủ các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án, không vi phạm về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn anh T đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn chị T1 không có ý kiến về việc giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về nội dung: căn cứ quy định tại các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Buộc chị T1 giao cháu Trần Ngọc Đ sinh ngày 04/02/2011 và Trần Ngọc Đăng K sinh ngày 28/6/2014 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

+ Chị T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị T1 thực hiện quyền này.

+ Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên tòa, nguyên đơn anh T vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; riêng bị đơn chị T1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn T về việc yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Trần Ngọc Đ sinh ngày 04/02/2011 và Trần Ngọc Đăng K sinh ngày 28/6/2014, Hội đồng xét xử xét thấy. Tại Quyết định số 10/2023/QĐCNTTLH ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện G về công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án đã công nhận sự thỏa thuận của hai bên về con chung. Cụ thể giao cho chị T1 được quyền tiếp tục trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Sau khi anh T và chị T1 ly hôn, hai con ở với chị T1 tại ấp B, xã Bình T, huyện G, tỉnh B.

[2] Tuy nhiên, qua kết quả xác minh cho thấy sau khi Tòa án giao quyền trực tiếp nuôi con, chị T1 đã không chăm sóc con và thường xuyên đi làm xa nhà, để hai con chung lại cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Riếp chăm sóc. Từ tháng 6/2023 cho đến nay, cháu Vy, cháu K đã về ở với cha là anh Trần Văn T và đang đi học tại thôn Tân Đức Tây, xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 25/10/2023, cháu Vy, cháu K cũng có nguyện vọng ở với cha. Do đó xét yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của anh T được chấp nhận nên chị T1 phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

Buộc chị Đoàn Thị Ngọc T1 giao hai con chung là cháu Trần Ngọc Đ sinh ngày 04/02/2011 và cháu Trần Ngọc Đăng K sinh ngày 28/6/2014 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng, ghi nhận anh T tự nguyện không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung. Chị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các T viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Đoàn Thị Ngọc T1 phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trả lại cho anh Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006270 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã Bình T,
- (G, B);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên

